



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

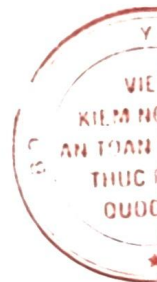
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 14098/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 2432/PKN-VKNQG ngày 16 tháng 01 năm 2025

- Tên mẫu: CHIẾT XUẤT NẤM MEN BIA
- Mã số mẫu: 0125261/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi zip, 500 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: Không có - HSD: Không có.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 08/01/2025
- Thời gian thử nghiệm: 08/01/2025 - 16/01/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH CHIẾT XUẤT NẤM MEN M
Địa chỉ: Thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Canxi	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	86,8
9.2*	Hàm lượng Kali	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	2557
9.3*	Hàm lượng Kẽm	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	8,44
9.4*	Hàm lượng Magie	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	199
9.5*	Hàm lượng Natri	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	122
9.6*	Hàm lượng Acid Aspartic (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	4,44
9.7*	Hàm lượng Acid glutamic (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	13,5
9.8*	Hàm lượng Alanine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	4,04
9.9*	Hàm lượng Arginine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,70
9.10*	Hàm lượng Beta-glucan	g/100g	NIFC.05.M.005 (Ref. K-YBGL Megazyme Kit)	6,02
9.11*	Hàm lượng Cystine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	0,31

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.12*	Hàm lượng Glycine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,59
9.13*	Hàm lượng Histidine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	1,11
9.14*	Hàm lượng Isoleucine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,33
9.15*	Hàm lượng Leucine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	3,29
9.16*	Hàm lượng Lysine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	3,04
9.17*	Hàm lượng Methionine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	0,69
9.18*	Hàm lượng Phenylalanine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,18
9.19*	Hàm lượng Proline (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	1,78
9.20*	Hàm lượng Serine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,61
9.21*	Hàm lượng Threonine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,50
9.22*	Hàm lượng Tryptophan (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.188 (HPLC)	0,48
9.23*	Hàm lượng Tyrosine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	1,72
9.24*	Hàm lượng Valine (Dạng toàn phần)	g/100g	NIFC.05.M.101 (HPLC)	2,88
9.25*	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm Chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	8,23
9.26*	Hàm lượng Inositol (B8) (Myo-Inositol)	mg/100g	NIFC.02.M.47 (HPAEC-PAD)	1890
9.27*	Hàm lượng Lipid	g/100g	NIFC.02.M.04	2,79
9.28*	Hàm lượng NaCl	g/100g	NIFC.02.M.07	0,13
9.29*	Hàm lượng Protein	g/100g	NIFC.02.M.03	52,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1 - Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 120SB Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2 - Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quế, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.30*	Hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin.HCl)	mg/100g	NIFC.02.M.16 (HPLC)	0,47
9.31	Hàm lượng Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	µg/100g	NIFC.04.M.105 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,12)
9.32*	Hàm lượng Vitamin B2 (Riboflavin)	mg/100g	NIFC.02.M.17 (HPLC)	1,43
9.33*	Hàm lượng Vitamin B5 (Acid pantothenic)	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	18,0
9.34*	Hàm lượng Vitamin B6 (Pyridoxin.HCl)	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	0,77
9.35*	Hàm lượng Vitamin B9 (Acid folic)	µg/100g	AOAC 2013.13 (LC-MS/MS)	35,7
9.36*	Hàm lượng Vitamin PP (Niacinamide)	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	34,6
9.37	Năng lượng	kcal/100g	NIFC.02.M.06	268

Ghi chú: eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%
KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)
Năng lượng = Lipid x 9 + Protein x 4 + Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ) x 4
Tách chỉ tiêu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.